

Bản án số: 78/2021/HNGĐ- ST

Ngày 13/9/2021

“Vv: ly hôn, giao nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Chị Tạ Hồng Chiến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Danh Long
2. Ông Nguyễn Văn Vân

Thư ký phiên tòa: Chị Phạm Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Chị Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 402/2021/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2021 về việc “*Ly hôn, giao nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị S, sinh năm 1999

Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

Nơi ở hiện nay: Thôn K, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

Hiện đang thi hành án tại Đội 20, phân trại số 2, trại giam Q, Bộ Công an
(các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Bùi Thị S. và anh Nguyễn Đức T. kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 12/3/2018. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống và làm việc tại xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân do anh T. nghiện ma túy, không tu chí làm ăn, vợ chồng bất đồng quan điểm, tình cảm không còn hòa hợp, thường cãi chửi nhau. Mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 8/2020 khi anh T. nghiện ma túy nặng hơn và không thể chăm lo được cho vợ con nên chị S. đã bế con về nhà mẹ đẻ tại thôn K, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Hiện anh T. đang thi hành án tại phân trại số 2 - Trại giam Q - Cục C10 - Bộ Công an. Tháng 7/2021 chị Bùi Thị S. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị S. xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt, đề nghị Tòa án giải quyết cho cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức T. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 10/6/2018 và Bùi Trọng P, sinh ngày 01/9/2020. Các cháu hiện đang ở với chị. Nếu ly hôn chị nhận được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 cháu và không yêu cầu anh T. cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt có xác nhận của trại giam Q, bị đơn anh Nguyễn Đức T. trình bày quan điểm thể hiện anh nhất trí thuận tình ly hôn với chị Bùi Thị S, đồng ý giao 02 con chung cho chị S. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Bùi Thị S. và anh Nguyễn Đức T. cùng có quan điểm không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị Bùi Thị S. và anh Nguyễn Đức T. xác định không có, không đề nghị giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về nội dung vụ án: Chị Bùi Thị S. và anh Nguyễn Đức T. kết hôn vào năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết chị S. và anh T. cùng có quan điểm đề nghị giải quyết cho anh chị được ly hôn. Do vậy, Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX xử cho chị Bùi Thị S. được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.; về con chung: đề nghị giao 02 cháu Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 10/6/2018 và Bùi Trọng P, sinh ngày 01/9/2020 cho chị Bùi Thị S. trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện chị Bùi Thị S. đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức T. và giao cho chị được nuôi con chung, không đề nghị giải quyết về tài sản và công nợ chung. Bị đơn anh Nguyễn Đức T. có HKTT tại Thôn P, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang và hiện đang thi hành án tại Trại giam Q (địa chỉ: xã Th, huyện S, tỉnh Tuyên Quang). Do vậy, quan hệ pháp luật ở đây được xác định là “*Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về việc tham gia tố tụng của các đương sự:

Bị đơn anh Nguyễn Đức T. hiện đang thi hành án tại Trại giam Q. Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Công an và Cục C10 về việc hạn chế tiếp xúc với phạm nhân nên Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ đối với nguyên đơn và không tiến hành Hòa giải.

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị S. và anh Nguyễn Đức T. kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 12/3/2018 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng do anh T. có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và hiện đang thi hành án tại Trại giam Q. Tháng 7/2021 chị S. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Anh T. có quan điểm nhất trí ly hôn với chị S.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của chị Bùi Thị S. và anh Nguyễn Đức T. có hạnh phúc thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn. Hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Bùi Thị S. được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

- Về con chung: Chị Bùi Thị S. và anh Nguyễn Đức T. có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 10/6/2018 và Bùi Trọng P, sinh ngày 01/9/2020. Hiện các cháu đều dưới 36 tháng tuổi và đang ở với chị S. Do anh T. đang phải chấp hành án phạt tù, chị S. và anh T. cùng có quan điểm giao 02 cháu cho chị S. được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu, xét đề nghị của các đương sự HĐXX thấy cần giao 02 cháu Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 10/6/2018 và Bùi Trọng P, sinh ngày 01/9/2020 cho chị Bùi Thị S. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Nguyễn Đức T. không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Bùi Thị S. và anh Nguyễn Đức T. không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Bùi Thị S. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị S. được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.
2. Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 10/6/2018 và Bùi Trọng P, sinh ngày 01/9/2020 cho chị Bùi Thị S. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.
Anh Nguyễn Đức T. không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về án phí: Chị Bùi Thị S. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003962 ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Chị S. đã nộp đủ án phí của vụ án.
4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND xã C.;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Hồng Chiến